

Số: 2723/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán
Công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại Khu vực 4, phường Nhơn Bình,
thành phố Quy Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 và Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Theo Văn bản số 207/SXD-HTKTTĐ ngày 17/6/2019 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định TKBVTC và dự toán công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại Khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;



Xét đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình 176/TTr-BGPMB ngày 31/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại Khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn

2. Loại và cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

3. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

4. Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định.

5. Tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Bình Định.

6. Đơn vị tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty TNHH TVTK & ĐTXD Lam Sơn và Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.

- Công ty TNHH TVTK & ĐTXD Lam Sơn: Thiết kế BVTC và dự toán hạng mục San nền, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước mưa, Cấp nước, thoát nước thải.

- Công ty TNHH Phát triển công nghệ Việt Long: Thiết kế BVTC và dự toán hạng mục hệ thống điện, điện chiếu sáng.

7. Địa điểm xây dựng: Khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) San nền:

- Tổng diện tích san nền 3,301ha; cao độ san nền theo cao độ khống chế tại các vị trí nút giao thông theo quy hoạch chi tiết được duyệt, chiều cao đắp trung bình 1,82m độ chặt yêu cầu $K=0,90$; vật liệu san nền bằng cát tại khu C thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, cự ly vận chuyển 14km; lớp mặt bằng đất đồi dày 30cm đất đồi tại điểm mỏ QN05 phường Bùi Thị Xuân, cự ly vận chuyển trung bình 20km.

b) Đường giao thông nội bộ: Phương án tuyến vào cao độ đường đỏ tuân thủ theo đồ án quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt với kết cấu nền, mặt đường, bó vỉa, vỉa hè như sau:

- Tốc độ thiết kế tối đa 30km/h, tốc độ ngang mặt đường $i=2\%$, độ dốc ngang vỉa hè $i=2\%$

- Kết cấu mặt đường (từ trên xuống):

+ Lớp cấp phối đồi đầm chặt K95 dày 30cm.

+ Lớp cấp phối đồi đầm chặt K98 dày 30cm.

+ Lớp cấp phối đá dăm Dmax 37,5 dày 15cm đầm chặt K98.

+ Lớp cấp phối đá dăm Dmax 25 dày 10cm đầm chặt K98.

- + Lớp nhựa dính bám 1kg/m².
- + Lớp bê tông nhựa móng C19 dày 7cm.
- Via hè:
 - + Via hè đắp bằng cấp phối đồi đầm chặt K= 0.90; via hè đắp bằng cấp phối đồi đầm chặt K=0.95 dày 40; lát tấm BT đúc sẵn kích thước 40x40x5cm bằng bê tông xi măng đá 1x2, M200 trên lớp đệm cát dày 3cm.
 - + Bó vỉa đổ BT M250 đá 1x2, đổ tại chỗ
- An toàn giao thông: xây dựng hệ thống an toàn giao thông gồm: Biển báo và vạch sơn đường theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

c) Tuyến kè: Dọc theo ranh giới phía Nam của khu đất dự án (dọc theo hành lang thoát lũ tràn Quy Nhơn 2). Kết cấu như sau:

- Móng kè ống buy BTLT D600, L=4m và ổn định buy bằng hệ giằng BTCT.
- Mái kè sử dụng tấm lát bê tông dạng âm dương, dăm dăm và vải địa kỹ thuật; hệ giằng mái kè bằng dầm giằng BTCT.
- Đỉnh kè: dạng dầm BTCT kích thước 25x50cm.

d) Hệ thống thoát nước mưa:

- Toàn bộ tuyến cống thoát nước mưa của dự án được thiết kế đi riêng với hệ thống thoát nước sinh hoạt.
- Các tuyến thoát nước trên các trục đường nội bộ bằng ống cống BTLT đường kính D600 đi trên vỉa hè loại H10 và qua đường loại H30 thoát ra hành lang thoát lũ tại hạ lưu tràn Quy Nhơn 2.
- Thu gom nước mưa khu dân cư hiện trạng giáp Đê Đông bằng tuyến mương hở B400.
- Các hố ga khoảng cách trung bình a=40m, mỗi hố ga bố trí 01 hố thu nước mặt đường.

đ) Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt:

- Hệ thống tuyến ống thu gom nước thải loại ống nhựa HDPE đường kính D200 đến D300;
- Hố ga đầu nối hộ dân bằng bê tông kích thước 80x80cm;
- Trạm bơm tăng áp và tuyến ống áp lực bằng ống HDPE D150 bơm về trạm bơm của hệ thống thoát nước chung của thành phố Quy Nhơn.

g) Hệ thống cấp nước: Hệ thống cấp nước thiết kế mạng hình tia kết hợp mạng vòng bằng ống HDPE đường kính từ D63 đến D110 cấp nước sinh hoạt và chữa cháy; bố trí 04 họng cứu hỏa toàn khu; vị trí điểm đầu nối nước sạch dự kiến đầu nối tại phía Đông của khu đất dọc tuyến đường Đê Đông.

h) Hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng:

- Lắp đặt mới 01 trạm biến áp với công suất trạm 400kVA và tuyến điện hạ thế điện động lực 0,4kV; lắp đặt mới đường dây 22kV đi trên cột BTLT đến trạm TBA.

- Thiết kế lắp mới điện chiếu sáng các trục đường; lắp đặt mới tủ điều khiển chiếu sáng, đèn chiếu sáng bằng đèn led công suất 70W.

9. Tiêu chuẩn áp dụng cho các hạng mục công trình: Theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

10. Giá trị tổng dự toán (làm tròn): **33.418.803.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ, bốn trăm mười tám triệu, tám trăm linh ba nghìn đồng).

Trong đó:

- | | |
|---------------------------|------------------------|
| - Chi phí xây dựng | : 25.679.874.526 đồng; |
| - Chi phí thiết bị | : 912.388.041 đồng; |
| - Chi phí Quản lý dự án | : 556.018.154 đồng; |
| - Chi phí tư vấn xây dựng | : 1.521.755.273 đồng; |
| - Chi phí khác | : 3.145.293.037 đồng; |
| - Chi phí dự phòng | : 1.603.564.503 đồng. |

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác.

11. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án Dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Định quản lý dự án.

12. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng: Áp dụng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Sở Xây dựng thẩm định.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh) tiếp thu các kiến nghị của cơ quan thẩm định, hoàn thiện hồ sơ và tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT P.C.Thắng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu VT, K14.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng